ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 42 /2015/QĐ-UBND	*Bà Rịa, ngày 28 tháng 12 năm 2015*

SỞ TƯ PHÁP T.BÀ RỊA-VŨNG TÀU
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 249
Ngày: 14.1.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án Nâng cao thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 112/2007NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao;

Thực hiện Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2015/NQ-HĐND, ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt Đề án Nâng cao thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số: 178/TTr-SVHTTDL ngày 21 tháng 12 năm 2015 về việc đề nghị ban hành Đề án Nâng cao thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Nâng cao Thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 10/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Đề án "Phát triển nguồn nhân lực thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2011-2015".

Điều 3. Chánh văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Dũng

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (báo cáo);
- Website Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TTr.TU; TTr.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh và các hội, đoàn thể;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp (rà soát);
- Các Sở, ban, ngành trong tỉnh;
- Trung tâm công báo tin học tỉnh;
- Báo BRVT; Đài PTTH tỉnh;
- TTr.HĐND các huyện,thành phố;
- TTr.UBND các huyện,thành phố;
- Lưu: VT.

MỤC LỤC

Đề án "Nâng cao thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020".

PHẦN MỞ ĐẦU

TẦM QUAN TRỌNG VÀ TÍNH CẤP THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. KẾT QUẢ THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2011-2015:

1. Về lực lượng HLV-VĐV
2. Về cơ sở vật chất
3. Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2011-2015
4. Về công tác xã hội hóa
5. Kết quả thể thao thành tích cao đạt được

II.ĐÁNH GIÁ CHUNG NHỮNG ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

1. Ưu điểm
2. Những khó khăn tồn tại và những mặt chưa làm được
3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

PHẦN THỨ HAI

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. QUAN ĐIỂM:

II. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN:

1. Mục tiêu chung:
2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2016-2018

b) Giai đoạn 2019-2020

3. Phương án đầu tư kinh phí Thể thao thành tích cao

3.1. Kinh phí chi cho HLV, VĐV theo Đề án

3.2. Thời gian HLV – VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng và chế độ tiền công

3.3. Kinh phí dự toán chi 1 HLV - VĐV trong 1 năm của từng tuyến thể thao trong Đề án (Tuyến năng khiếu, tuyến trẻ và tuyến tuyển)

a) Tuyến năng khiếu

b) Tuyến trẻ

c) Tuyến tuyển

3.4. Tổng kinh phí thực hiện Đề án Nâng cao thể thao thành tích cao

4. Kinh phí tham gia các giải quốc tế, quốc gia, khu vực hàng năm

5. Phương án đầu tư cơ sở vật chất phục vụ Thể thao thành tích cao

PHẦN THỨ BA
NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHẰM NÂNG CAO THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO ĐẾN NĂM 2020

GIẢI PHÁP NÂNG CAO THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO ĐẾN NĂM 2020

1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách
2. Nhóm giải pháp về tổ chức quản lý
3. Nhóm giải pháp về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện đào tạo
4. Nhóm giải pháp về đào tạo, huấn luyện:
   4.1. Về lực lượng HLV, VĐV
      a) Xây dựng đội ngũ HLV
      b) Xây dựng đội ngũ VĐV
   4.2. Phân nhóm trọng tâm đầu tư các môn thể thao
5. Nhóm giải pháp Xã hội hóa
6. Các giải pháp khác

PHẦN THỨ TƯ
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Ban Chỉ đạo
2. Ban điều hành

- Sở Văn hóa Thể thao &Du lịch
- Sở Giáo dục – Đào tạo
- Sở Kế hoạch và đầu tư
- Sở Tài chính
- Sở Xây dựng
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- Các Sở, ban ngành có liên quan
- UBND các huyện, thành phố

II. KẾT LUẬN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Nâng cao thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2016 -2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số:42/2015/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

PHẦN MỞ ĐẦU
TẦM QUAN TRỌNG VÀ TÍNH CẤP THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:

Thể thao thành tích cao Bà Rịa – Vũng Tàu trong những năm qua đã có những bước phát triển nhất định , tuy vậy thể thao thành tích cao Bà rịa-Vũng Tàu chưa tương xứng với sự phát triển của các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, do vài yếu tố khách quan và chủ quan như: cách làm chưa phù hợp khi thể thao thành tích cao đang dần chuyển sang chuyên nghiệp, cơ sở vật chất sân bãi cho thể thao thành tích cao còn nhiều thiếu thốn, kinh phí còn hạn chế so với nhu cầu phát triển… Hiện nay thể thao Việt Nam đang thay đổi với mục tiêu vươn tầm hướng đến thành tích cấp châu lục và quốc tế, vì thế nhiều tỉnh thành đang có những đầu tư đặc biệt cho VĐV tài năng nâng cao thành tích đạt huy chương tại các giải quốc tế và đạt chuẩn để tham gia các giải quốc tế và Olympic.

Để nâng cao thể thao thành tích cao nói riêng, hình ảnh và con người Bà Rịa – Vũng Tàu nói chung đến với bạn bè trong và ngoài nước đóng góp tích cực, cụ thể hóa những mục tiêu tổng quát trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao (TDTT) tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến năm 2020; Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bà Rịa-Vũng Tàu tiếp tục triển khai xây dựng Đề án " Nâng cao thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020", đây là vấn đề cấp bách và cần thiết trong việc đào tạo huấn luyện đội ngũ huấn luyện viên và vận động viên nhằm đưa thể thao Bà Rịa-Vũng Tàu lên tầm cao mới.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. KẾT QUẢ THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2011-2015:

Thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trong nhiều năm qua đã cố gắng phấn đấu đạt vượt chỉ tiêu huy chương được giao tham gia các giải thể thao quốc gia, quốc tế và khu vực; góp phần vào việc thúc đẩy phong trào thể thao quần chúng, tiếp tục duy trì và phát triển các môn thể thao thế mạnh của tỉnh.

Các chương trình, đề án của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã góp phần lớn vào việc hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu Thể thao thành tích cao hàng năm như: Đề án "Phát triển nguồn nhân lực thể thao thành tích cao tỉnh Bà

Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2011 – 2015", "Phát triển Bóng đá tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2011 – 2013". Tuy nhiên để nâng cao và phát triển thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh cần tìm ra những hạn chế và nguyên nhân để nghiêm túc rút ra những bài học kinh nghiệm cho giai đoạn mới.

1.Về lực lượng Huấn luyện viên (HLV)- Vận động viên (VĐV):

a) Đội ngũ HLV phần lớn về trình độ chuyên môn được đào tạo Đại học TDTT và các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn do Tổng cục TDTT và các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao trong và ngoài nước tổ chức, trong đó có nhiều HLV đã từng là VĐV đội tuyển, nên có kinh nghiệm trong công tác huấn luyện và thi đấu. Hàng năm, số lượng HLV thuộc biên chế hưởng lương từ ngân sách tham gia các môn thể thao trong Đề án vào khoảng 9-10 người, chiếm tỷ lệ từ 30%-33% (tùy theo từng năm); số còn lại ký hợp đồng huấn luyện đào tạo và thực hiện theo Quy chế quản lý HLV- VĐV Thể thao Thành tích cao tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Bà Rịa- Vũng Tàu ban hành năm 2012.

b) Phát triển tạo nguồn VĐV: Phần lớn VĐV trưởng thành qua phong trào tập luyện TDTT trong học sinh thông qua Hội Khỏe Phù Đổng cấp trường, huyện và tỉnh, các giải thanh thiếu niên trẻ, vô địch cấp tỉnh đã phát hiện và tuyển chọn được nhiều VĐV có năng khiếu, có khả năng phát triển tài năng thể thao thành tích cao, thông qua kế hoạch hàng năm có sự đào thải và bổ sung kịp thời ổn định về lực lượng, duy trì thành tích các môn thể thao .Những môn mới được đầu tư bước đầu đã có thành tích đoạt huy chương quốc gia và quốc tế là Kickboxing, Muay … *(Đính kèm Phụ lục 1)*

2. Về cơ sở vật chất:

Trong điều kiện chưa có cơ sở tập trung để làm công tác huấn luyện đào tạo, khai thác cơ sở vật chất Nhà Thi đấu TDTT ưu tiên làm công tác đào tạo huấn luyện, tận dụng các công trình thể thao của tổ chức đơn vị đầu tư xây dựng và các câu lạc bộ xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện Đề án hiệu quả. Các công trình phục vụ thể thao được đầu tư xây dựng trên hầu hết các huyện, thành phố trong toàn tỉnh đã đáp ứng nhu cầu tập luyện của người dân, lực lượng thanh thiếu niên học sinh góp phần phát triển và phát hiện tài năng thể thao.

3.Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2011-2015 : *(Phụ lục 2)*

Kinh phí Đề án Phát triển nguồn nhân lực Thể thao thành tích cao tỉnh giai đoạn 2011–2015 được thực hiện theo Quyết định số 923/2009/QĐ.UBND ngày 31/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc Ban hành quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên kinh phí bồi dưỡng cho HLV-VĐVcòn thấp (*từ 2.100.000 đồng/người/tháng - 2.700.000đồng /người/tháng),* tuy nhiên đội ngũ công chức viên chức, HLV đã có nhiều cố gắng, tâm huyết với nghề, khắc phục khó khăn đã tổ chức duy trì thường xuyên được lực lượng VĐV theo kế hoạch đề án, tập luyện và tham gia thi đấu các giải thể thao hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm.

4. Về công tác xã hội hóa

Toàn ngành đã có nhiều cố gắng trong việc đẩy mạnh xã hội hóa đối với lĩnh vực thể thao thành tích cao, tuy nhiên trong điều kiện kinh tế đang trong giai đoạn

khó khăn nên kết quả không như mong muốn. Chỉ nhận được sự ủng hộ, tài trợ của các doanh nghiệp, mạnh thường quân… thông qua tổ chức các giải thể thao nhưng hiệu quả không cao. Trong hoạt động thể thao thành tích cao chỉ nhận được sự ủng hộ về vật chất và tinh thần từ chính gia đình của các VĐV.

5. Kết quả thể thao thành tích cao đạt được: *(Phụ lục 3)*

Thể thao thành tích cao Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2011-2015. Sau 5 năm thực hiện việc đào tạo huấn luyện nâng cao thành tích thi đấu, góp phần vào việc thúc đẩy phong trào thể thao quần chúng, tiếp tục duy trì và phát triển các môn thể thao thế mạnh của tỉnh như: Judo, Vovinam, Petanque… Xây dựng và phát triển một số môn thể thao mới với nguồn VĐV trẻ nhiều tiềm năng như: Kickboxing, Võ cổ truyền… duy trì 2 tuyến đào tạo: Tuyển Tuyển và Trẻ của 15 môn thể thao, hàng năm hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, có những môn đại diện cho quốc gia tham gia biểu diễn hoặc thi đấu ở nước ngoài như Vovinam, Cờ tướng, Judo… Tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc năm 2014, thể thao Bà Ria-Vũng Tàu đạt thứ hạng 34/ 65 đơn vị tỉnh thành ngành, chỉ tiêu đạt thứ hạng 25-30.

Chỉ tiêu huy chương hàng năm theo Đề án đều đạt và tăng khá. Tổng số huy chương các loại đạt được tại các giải quốc tế, quốc gia và khu vực giai đoạn 2011-2015 cụ thể như sau (tính đến thời điểm cuối tháng 11/ 2015):

- 49 huy chương quốc tế.
- 857 huy chương quốc gia.
- 484 huy chương khu vực, cụm mở rộng.

Các vận động viên tiêu biểu:

1. Nghiêm Thảo Tâm – Sinh năm 2003, lớp Cờ vua – Huy chương vàng giải Vô địch Cờ vua Trẻ Châu Á năm 2011.

2. Phan Thị Bích Ngọc – Sinh năm 1993, lớp Vovinam – Huy chương bạc giải Vô địch Vovinam Đông Nam Á năm 2011 và năm 2013.

3. Lê Thị Huỳnh Như – Sinh năm 1990, lớp Muay – Huy chương bạc giải Vô địch Muay Châu Á năm 2012.

4. *Nguyễn Trung Kiên* – sinh năm 1990, lớp Võ cổ truyền – Huy chương bạc cá nhân tại giải Võ cổ truyền Quốc tế năm 2012.

5. Nguyễn Thị Diệu Tiên – Sinh năm 1993, lớp Judo – 01 Huy chương vàng cá nhân tại giải Vô địch Judo Đông Nam Á năm 2013

6. Uông Dương Bắc – Sinh năm 1976, lớp Cờ tướng – 01 Huy chương đồng đồng đội tại giải Cờ tướng Vô địch thế giới năm 2013.

7. Lê Trọng Nghĩa – sinh năm 2000, lớp Karatedo – Huy chương đồng giải Vô địch Karatedo trẻ Đông nam Á năm 2014.

8. Nguyễn Thị Thanh Trâm – Sinh năm 1993, lớp Judo – Huy chương đồng cá nhân tại SEA Games lần thứ 28 năm 2015.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG NHỮNG ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

1.Ưu điểm:

- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, sự chỉ đạo chuyên môn của Tổng cục Thể dục thể thao cùng với sự phối hợp của các Sở, Ban, Ngành địa phương, sự nỗ lực phấn đấu của toàn ngành.

- Đội ngũ CBCC-VC, Huấn luyện viên đã có nhiều cố gắng tâm huyết với ngành, nhiệt tình cố gắng khắc phục khó khăn đã tổ chức duy trì thường xuyên được lực lượng vận động viên theo kế hoạch chương trình đề án.

- Đã tạo sự chuyển biến rõ nét theo chiều hướng tích cực của chất lượng phong trào TDTT trong toàn tỉnh. Duy trì được thành tích thi đấu thể thao, số huy chương đạt được tăng hàng năm từ các giải: Khu vực, trẻ, vô địch quốc gia quốc tế.

- Công tác đào tạo đã được áp dụng phù hợp với tình hình thực tiễn. Trong khi điều kiện thực tế của địa phương, ngành chưa có cơ sở tập trung đào tạo nên một số môn đã giao cho các câu lạc bộ chịu trách nhiệm đào tạo vận động viên theo chỉ tiêu được giao, bước đầu đã khai thác tốt các nguồn lực xã hội.

2. Những khó khăn tồn tại và những mặt chưa làm được:

- Cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo huấn luyện còn quá thiếu thốn, lạc hậu. Chưa có Trung tâm Huấn luyện tập trung VĐV toàn tỉnh về đào tạo huấn luyện, nên chưa khai thác hết nguồn lực của tỉnh. Các công trình phục vụ thể thao được đầu tư xây dựng tại các huyện, thành phố chưa phát huy được hết công năng, cũng như phục vụ hỗ trợ cho hoạt động thể thao thành tích cao.

- Chế độ chính sách cho HLV,VĐV giải quyết chậm, kinh phí đầu tư cho công tác nâng cao thể thao thành tích ở những môn trọng điểm còn thấp chưa đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu chuyên môn để có thể tiếp cận với công nghệ huấn luyện tiên tiến, hiện đại.

- Chưa có chế độ đãi ngộ VĐV tài năng, để kích thích VĐV cống hiến lâu dài cho tỉnh và đến với thể thao chuyên nghiệp. Thực hiện những thay đổi về chế độ chính sách đối với HLV- VĐV còn quá chậm từ đó một số VĐV có thành tích cao đã bỏ đi đầu quân cho cho các tỉnh, thành có chế độ cao hơn.

- Hệ thống tuyển chọn, đào tạo chưa thật khoa học và chặt chẽ dù bước đầu xây dựng được quy trình đào tạo và quản lý đào tạo, nhưng chưa đồng bộ, thiếu các yếu tố bền vững của hệ thống, chưa đặt trên nền tảng chuyên môn hóa cao … Đội ngũ huấn luyện viên về cơ bản chưa đủ đáp ứng cho công tác huấn luyện ở giai đoạn bài bản, chuyên sâu. Các huấn luyện viên trẻ nhiều nhiệt huyết, có trình độ lại thiếu kinh nghiệm trong công tác huấn luyện và phong cách làm việc, huấn luyện đỉnh cao.

- Công tác quản lý còn thiếu chặt chẽ, chưa có quy định trong quản lý huấn luyện như: chương trình, huấn luyện, giáo án, nhật ký tập luyện và những quy định trong sinh hoạt, học tập văn hóa.

- Chưa mạnh dạn tham mưu các cấp có thẩm quyền về việc thay đổi cơ chế chính sách, kinh phí hoạt động … cũng như thay đổi, hoàn thiện cho phù hợp với đặc điểm phát triển ở từng giai đoạn đào tạo, huấn luyện của thể thao thành tích cao

- Thành tích thể thao chưa tương xứng với tiềm năng, với vị trí của tỉnh trong khu vực Đông Nam Bộ. Một số môn thể thao được xác định là trọng điểm nhưng trong thời gian qua chưa được đầu tư chăm lo đúng mức. Chưa hình thành và phát triển được các môn thể thao bãi biển phù hợp với điều kiện, vị trí địa lý của địa phương. Không có nhiều VĐV được tuyển chọn vào thành phần đội tuyển các môn thể thao quốc gia, các VĐV Bà Rịa-Vũng Tàu chưa có mặt thường xuyên tại các kỳ Đại hội Thể thao cấp khu vực và châu lục. Những môn thể thao ở các

thời kỳ trước là thế mạnh của Bà Rịa-Vũng Tàu có dấu hiệu chựng lại như: Taekwondo, Cờ vua…

- Chưa tận dụng hết các nguồn lực từ xã hội, thế mạnh về kinh tế xã hội và điều kiện tự nhiên của tỉnh…chủ yếu vẫn còn dựa vào ngân sách nhà nước.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm:

- Năng lực tham mưu, điều hành, tổ chức thực hiện của ngành còn hạn chế. Đội ngũ làm công tác quản lý, huấn luyện đào tạo các bộ môn còn thiếu và yếu.

- Chưa có cơ sở tập trung để làm công tác huấn luyện đào tạo, còn thiếu các điều kiện đảm bảo cần thiết để phục vụ quá trình đào tạo (cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ, điều kiện sinh hoạt, ăn ở…), còn một số môn phải thuê địa điểm bên ngoài,

- Các quy chế, quy định trong quản lý đào tạo được xây dựng và ban hành ở các thời điểm khác nhau, không đồng bộ và được áp dụng trong thời gian tương đối dài mà không được sửa đổi, hoàn thiện cho phù hợp với đặc điểm phát triển ở từng giai đoạn đào tạo.

- Quá trình xây dựng, hoàn thiện quy trình đào tạo và quản lý đào tạo VĐV đã có sự chuyển biến nhưng còn chưa chú ý đến những nhân tố trực tiếp ảnh hưởng đến công tác quản lý đào tạo, đó là đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên; chưa thay đổi chế độ đãi ngộ kịp thời cho các HLV- VĐV.

- Chưa có chính sách cụ thể khuyến khích thu hút nhân tài phục vụ lâu dài cho tỉnh, và công tác xã hội hóa còn hạn chế.

Từ những nguyên nhân trên, có thể rút ra những kinh nghiệm và biện pháp khắc phục sau:

- Công tác TDTT phải được các cấp lãnh đạo, các ngành và toàn xã hội xác định là một bộ phận quan trọng của chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước ta về bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người. Sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp chăm lo cho sự nghiệp TDTT, sự ủng hộ tích cực của các tổ chức xã hội, của quần chúng nhân dân sẽ là động lực thúc đẩy các hoạt động TDTT tới các đỉnh cao, góp phần phục vụ những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Các hoạt động TDTT đã đem lại hiệu quả thiết thực, nhằm bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của nhân dân, bồi dưỡng nhân cách, bản lĩnh, tính dân tộc... góp phần làm phong phú đời sống văn hoá, tinh thần và bình ổn xã hội.

- Đào tạo huấn luyện VĐV phải thực sự được xác định là một bộ phận quan trọng của chính sách và kế hoạch phát triển thể thao thành tích cao, nhằm bồi dưỡng và phát huy tài năng cho tỉnh và cho đất nước, góp phần nâng cao trình độ thể thao, năng lực vận động phục vụ cho mục tiêu hòa nhập với nền thể thao khu vực và thế giới.

- Tham mưu kịp thời ban hành các quy định, quy chế đối với công tác đào tạo VĐV. Sớm đầu tư cơ bản về cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện phục vụ thể thao thành tích cao.

- Quan tâm và đầu tư mạnh mẽ thể thao trong học đường; tăng cường và phối hợp chặt chẽ trong việc khai thác nguồn lực từ đối tượng học sinh, sinh viên; nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, HLV-VĐV, kể cả lực lượng cán bộ thể thao cơ sở.

- Thực hiện công tác xã hội hóa trong lĩnh vực TDTT, nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động TDTT…

- Các nhà quản lý phải nắm bắt kịp thời những thay đổi, chuyển biến của lực lượng HLV- VĐV để đề xuất các biện pháp giải quyết theo đúng quy trình, đúng thao tác chuyên môn và đúng quy chế quản lý đào tạo.

- Kiện toàn và ổn định tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng và trình độ cán bộ của ngành, bao gồm: cán bộ quản lý, huấn luyện viên, trọng tài ... là nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển toàn diện TDTT của tỉnh.

PHẦN THỨ HAI
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. QUAN ĐIỂM:

- Phát triển thể dục, thể thao là yếu tố quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhằm bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, tăng cường thể lực, tầm vóc, tăng tuổi thọ người Việt Nam và lành mạnh hóa lối sống của thanh thiếu niên. Phát triển thể dục, thể thao là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân; ngành thể dục, thể thao giữ vai trò nòng cốt trong thực hiện các chính sách phát triển thể dục, thể thao của Đảng và Nhà nước.

- Phát triển đồng bộ thể dục, thể thao trong trường học, trong lực lượng vũ trang, ở xã, phường, thị trấn cùng với phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp.

- Thực hiện xã hội hóa các hoạt động thể dục, thể thao, kết hợp việc kinh doanh thể dục, thể thao với công tác cung ứng dịch vụ công theo quy định của pháp luật. Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao.

II. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN:

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng thể thao thành tích cao của tỉnh theo xu hướng phát triển thể thao Việt Nam và quốc tế, từng bước thu hẹp khoảng cách thứ hạng, trình độ thể thao thành tích cao với các đơn vị mạnh trong khu vực và toàn quốc. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng thể thao thực sự hiệu quả, bền vững, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong Đề án "Nâng cao thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020". Nâng cao vị thế thể thao Bà Rịa – Vũng Tàu đối với khu vực và cả nước. Phấn đấu đạt thứ hạng 25-30 tại kỳ Đại hội TDTT 2018; đóng góp VĐV vào thành phần đội tuyển quốc gia, đạt huy chương tại các kỳ SEA Games.

Tập trung phát triển đầu tư có trọng điểm một số môn thể thao thuộc thế mạnh của tỉnh (Vovinam, Judo, Petanque, Bóng chuyền bãi biển…) và các môn thể thao có triển vọng để phát triển thành môn chủ lực của tỉnh nhà; thường xuyên tổ chức các giải thi đấu đỉnh cao cấp khu vực, quốc gia và quốc tế; mở rộng giao lưu hợp tác trong các lĩnh vực đào tạo tài năng thể thao; phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật TDTT; xây dựng hệ thống các chính sách, cơ chế quản lý; đẩy mạnh xã hội hóa huy động các nguồn lực tham gia nhằm tạo động lực thúc đẩy nâng cao thành tích thể thao của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trên cơ sở dự báo thành tích của các vận động viên, xác định những môn thể thao trọng điểm phải đầu tư, đầu tư có chiến lược và có kế hoạch dài hơi, chất lượng cao cụ thể từng nội dung, hạng cân, từng vận động viên.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) *Giai đoạn 2016-2018:*

Hoàn thành mục tiêu đạt được huy chương, đẳng cấp tham gia thi đấu các giải quốc tế, quốc gia và khu vực hàng năm. Nâng cao số lượng VĐV được triệu tập vào các đội dự tuyển Quốc gia; đạt vị trí trong tốp 3 của thể thao khu vực Đông Nam bộ; Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018 phấn đấu đạt từ 6 - 8 huy chương vàng, vị trí xếp hạng từ 25 – 30 tỉnh, thành, ngành trong toàn quốc về tổng sắp huy chương.

b) *Giai đoạn 2019-2020*:

Hoàn thành mục tiêu đạt được huy chương, đẳng cấp tham gia thi đấu các giải quốc tế, quốc gia và khu vực hàng năm. Duy trì số lượng VĐV được triệu tập vào các đội dự tuyển Quốc gia. Phấn đấu có VĐV tham gia và đạt 2-3 huy chương tại các kỳ SEA Games và các giải quốc tế.

Số lượng huy chương đạt được của các môn thể thao giai đoạn 2016 – 2020:

Năm	Đơn vị tính	Số giải tham dự	Kế hoạch Huy chương			Tổng cộng
			Quốc tế	Quốc gia	Khu vực	
2016	cái	50	05	110	70	**185**
2017	cái	50	05	115	75	**195**
2018	cái	55	06	120	80	**206**
2019	cái	58	07	123	85	**215**
2020	cái	60	08	125	90	**223**

3. Phương án đầu tư kinh phí Thể thao thành tích cao:

3.1. Kinh phí chi cho HLV, VĐV theo Đề án:

Kinh phí thực hiện cho giai đoạn 2016 - 2020 được xây dựng để đáp ứng cho yêu cầu nhiệm vụ được vận dụng theo Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 07/11/2011 về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và Quyết định số 35/2012/ QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, trong đó quy định chế độ dinh dưỡng và chế độ tiền công như sau:

STT	Tuyến thể thao	Chế độ dinh dưỡng Tập luyện thường xuyên	Chế độ tiền công Tập luyện thường xuyên	
		HLV - VĐV	*HLV*	*VĐV*
1	Tuyển	150.000đ/ngày	120.000đ/ngày	80.000đ/ngày
2	Trẻ	120.000đ/ngày	90.000đ/ngày	40.000đ/ngày
3	Năng khiếu	90.000đ/ngày	90.000đ/ngày	30.000đ/ngày

Trong quá trình thực hiện sẽ điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, điều chỉnh do giá cả tăng, điều chỉnh do thay đổi chế độ chi của các cấp thẩm quyền.

3.2. Thời gian HLV - VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng và chế độ tiền công

a) Tuyến Năng khiếu:

Số ngày HLV-VĐV Tuyến Năng khiếu hưởng chế độ dinh dưỡng và chế độ tiền công trong 01 năm được tính trên cơ sở:

03 ngày/tuần x 52 tuần = 144 ngày

b) Tuyến trẻ:

- Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng trong 01 năm (365 ngày), trong đó:

+ Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng từ kinh phí Đề án: 335 ngày

+ Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng từ kinh phí sự nghiệp (theo kế hoạch tham dự các giải Thể thao thành tích cao được phê duyệt hàng năm): 30 ngày.

- Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ tiền công trong 01 năm được tính trên cơ sở : số ngày làm việc tiêu chuẩn trong một tháng 22 ngày/ tháng x 12 tháng = 264 ngày, trong đó:

+ Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng từ kinh phí Đề án: 239 ngày

+ Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng từ kinh phí sự nghiệp (theo kế hoạch tham dự các giải Thể thao thành tích cao được phê duyệt hàng năm): 25 ngày.

c)Tuyến tuyển:

- Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng trong 01 năm (365 ngày), trong đó:

+ Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng từ kinh phí Đề án: 300 ngày

+ Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng từ kinh phí sự nghiệp (theo kế hoạch tham dự các giải Thể thao thành tích cao được phê duyệt hàng năm): 65 ngày.

- Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ tiền công trong 01 năm được tính trên cơ sở : số ngày làm việc tiêu chuẩn trong một tháng 22 ngày/ tháng x 12 tháng = 264 ngày, trong đó:

+ Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng từ kinh phí Đề án: 214 ngày

+ Số ngày HLV-VĐV hưởng chế độ dinh dưỡng từ kinh phí sự nghiệp (theo kế hoạch tham dự các giải Thể thao thành tích cao được phê duyệt hàng năm): 50 ngày.

3.3. Kinh phí dự toán chi 1 HLV - VĐV trong 1 năm của từng tuyến thể thao trong Đề án (Tuyến năng khiếu, tuyến trẻ và tuyến tuyển).

a) Tuyến Năng khiếu:

-Dự toán kinh phí chi cho 01 HLV:

+ Tiền dinh dưỡng tập luyện thường xuyên:

90.000đ/ngày x 144 ngày = 12.960.000đ

+ Tiền công tập luyện thường xuyên:

90.000đ/ngày x 144 ngày = 12.960.000đ

+Hỗ trợ tiền mặt trang phục tập luyện:

300.000đ x 01 năm = 300.000đ

+ Bảo hiểm tập luyện: 300.000đ x 01 năm = 300.000đ

+ Kinh phí dụng cụ tập luyện, sân bãi, tài liệu, điện nước tập luyện tại nhà thi đấu, hồ sơ, kiểm tra thi đấu cọ sát… = 1.750.000đ

Tổng cộng = *28.270.000đ*

- *Dự toán kinh phí chi cho 01 VĐV:*

+ Tiền dinh dưỡng tập luyện thường xuyên:
90.000đ/ngày x 144 ngày = 12.960.000đ

+ Tiền công tập luyện thường xuyên:
30.000đ/ngày x 144 ngày = 4.320.000đ

+ Hỗ trợ tiền mặt trang phục tập luyện:
300.000đ x 01 năm = 300.000đ

+ Bảo hiểm tập luyện: 300.000đ x 01 năm = 300.000đ

+ Kinh phí dụng cụ tập luyện, sân bãi, tài liệu, điện nước tập luyện tại nhà thi đấu, hồ sơ, kiểm tra thi đấu cọ sát … : = 1.750.000đ

Tổng cộng = *19.630.000đ*

b) Tuyến trẻ:

- *Dự toán kinh phí chi cho 01 HLV:*

+ Tiền dinh dưỡng tập luyện thường xuyên:
120.000đ/ngày x 335 ngày = 40.200.000đ

+ Tiền công tập luyện thường xuyên:
90.000đ/ngày x 239 ngày = 21.510.000đ

+ Hỗ trợ tiền mặt trang phục tập luyện:
400.000đ x 01 năm = 400.000đ

+ Bảo hiểm tập luyện: 300.000đ x 01 năm = 300.000đ

+ Kinh phí dụng cụ tập luyện, sân bãi, tài liệu, điện nước tập luyện tại nhà thi đấu, hồ sơ, kiểm tra thi đấu cọ sát …: = 2.000.000đ

Tổng cộng = *64.410.000đ*

- *Dự toán kinh phí chi cho 01 VĐV:*

+ Tiền dinh dưỡng tập luyện thường xuyên:
120.000đ/ngày x 335 ngày = 40.200.000đ

+ Tiền công tập luyện thường xuyên:
40.000đ/ngày x 239 ngày = 9.560.000đ

+ Hỗ trợ tiền mặt trang phục tập luyện:
400.000đ x 01 năm = 400.000đ

+ Bảo hiểm tập luyện: 300.000đ x 01 năm = 300.000đ

+ Kinh phí dụng cụ tập luyện, sân bãi, tài liệu, điện nước tập luyện tại nhà thi đấu, hồ sơ, kiểm tra thi đấu cọ sát …: = 2.000.000đ

Tổng cộng = *52.460.000đ*

c) Tuyến tuyển:

- *Dự toán kinh phí chi cho 01 HLV:*

+ Tiền dinh dưỡng tập luyện thường xuyên:

150.000đ/ngày x 300 ngày = 45.000.000đ

+Tiền công tập luyện thường xuyên:

120.000đ/ngày x 214 ngày = 25.680.000đ

+ Hỗ trợ tiền mặt trang phục tập luyện:

500.000đ x 01 năm = 500.000đ

+ Bảo hiểm tập luyện: 300.000đ x 01 năm = 300.000đ

+ Kinh phí dụng cụ tập luyện, sân bãi, tài liệu, điện nước tập luyện tại nhà thi đấu, hồ sơ, kiểm tra thi đấu cọ sát …: = 2.250.000đ

Tổng cộng = *73.730.000đ*

- *Dự toán kinh phí chi cho 01 VĐV:*

+ Tiền dinh dưỡng tập luyện thường xuyên:

150.000đ/ngày x 300 ngày = 45.000.000đ

+ Tiền công tập luyện thường xuyên:

80.000đ/ngày x 214 ngày = 17.120.000đ

+ Hỗ trợ tiền mặt trang phục tập luyện:

500.000đ x 01 năm = 500.000đ

+ Bảo hiểm tập luyện: 300.000đ x 01 năm = 300.000đ

+ Kinh phí dụng cụ tập luyện, sân bãi, tài liệu, điện nước tập luyện tại nhà thi đấu, hồ sơ, kiểm tra thi đấu cọ sát … = 2.250.000đ

Tổng cộng = *65.170.000đ*

Ghi chú:

- Kinh phí dụng cụ tập luyện, sân bãi, tài liệu…: Mức chi là tạm tính cho 01 HLV hoặc VĐV trong 01 năm và sẽ được điều chỉnh theo điều kiện, nhu cầu từng môn thể thao.

- Các HLV-VĐV được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước sẽ thực hiện chế độ tiền công theo Quyết định số: 35/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

* Kinh phí cụ thể của từng tuyến thể thao:

- Kinh phí cụ thể tuyến năng khiếu: 3.677.170.000đ (Phụ lục 4)

- Kinh phí cụ thể tuyến trẻ: 27.262.360.000đ (Phụ lục 5)

- Kinh phí cụ thể tuyến tuyển: 22.419.280.000đ (Phụ lục 6).

3.4. Tổng kinh phí thực hiện Đề án Nâng cao Thể thao thành tích cao:

53.358.810.000 đ (Năm mươi ba tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu,tám trăm mười ngàn đồng.) , cụ thể: *(Phụ lục 7)*

- Năm 2016 : 9 tỷ 514 triệu 070
- Năm 2017 : 9 tỷ 514 triệu 070
- Năm 2018 : 10 tỷ 308 triệu 980
- Năm 2019 : 11 tỷ 873 triệu 720
- Năm 2020 : 12 tỷ 147 triệu 970

4. Kinh phí tham gia các giải quốc tế, quốc gia, khu vực hàng năm:

Được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách Nhà nước và theo kế hoạch tham gia các giải Thể thao thành tích cao hàng năm được phê duyệt.

5. Phương án đầu tư cơ sở vật chất phục vụ Thể thao thành tích cao:

Để đáp ứng nhu cầu thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và điều kiện đảm bảo phát triển Thể thao thành tích cao giai đoạn 2016-2020 cần tập trung đầu tư xây dựng các công trình cơ bản sau :

- Khu huấn luyện đào tạo VĐV thể thao của tỉnh.

- Đường chạy Điền kinh phủ nhựa tổng hợp.

- Hồ bơi thi đấu và tập luyện đúng tiêu chuẩn quốc gia.

- Phòng tập thể lực với trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện.

- Nhà tập luyện võ thuật.

Nguồn vốn đầu tư sẽ được xác định trong từng dự án cụ thể ...

PHẦN THỨ BA
NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHẰM NÂNG CAO THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO ĐẾN NĂM 2020

GIẢI PHÁP NÂNG CAO THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO ĐẾN NĂM 2020:

1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách:

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, chính quyền và toàn thể các cấp đối với phong trào TDTT tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Tiếp tục xây dựng các cơ chế chính sách ưu đãi đặc biệt khuyến khích thu hút các HLV, VĐV tài năng trong và ngoài tỉnh tâm huyết phục vụ lâu dài cho tỉnh.

- Khuyến khích các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực TDTT. Nhà nước thực hiện các chính sách ưu đãi đối với hoạt động TDTT, ưu tiên giải quyết đất xây dựng các cơ sở TDTT miễn giảm thuế đất tiền sử dụng đất …

- Khen thưởng động viên các tổ chức, cá nhân có những đóng góp xuất sắc trong hoạt động TDTT. Đảm bảo chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế, dinh dưỡng và hồi phục cho đội ngũ làm công tác đào tạo huấn luyện và tập luyện.

2. Nhóm giải pháp về tổ chức quản lý:

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình đào tạo- huấn luyện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Xây dựng phong trào TDTT quần chúng, nhất là TDTT trong học đường phát triển vững chắc, làm nền tảng cho sự phát triển thể thao thành tích cao. Căn cứ theo thế mạnh của từng địa phương, chỉ đạo mỗi Trung tâm TDTT huyện thành phố đầu tư nâng cao một số môn thể thao mũi nhọn. Sự tập hợp nhiều tài năng từ các nơi sẽ tạo sự tranh đua, cọ sát lành mạnh trong lúc tập luyện, giúp nâng cao nhanh chóng trình độ tập luyện của VĐV.

- Phân định rõ trách nhiệm giữa đơn vị quản lý nhà nước về TDTT và các đơn vị sự nghiệp TDTT. Củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy sự nghiệp TDTT trên địa bàn tỉnh.

3. Nhóm giải pháp về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác huấn luyện đào tạo:

- Đề xuất chủ trương dự án đầu tư xây dựng Trung tâm huấn luyện đào tạo VĐV thể thao của tỉnh trong giai đoạn 2016 – 2020

-Từng bước phối hợp tận dung các cơ sở vật chất trên diện rộng phục vụ công tác huấn luyện trên địa bàn toàn tỉnh một cách đồng bộ và phù hợp với quy hoạch phát triển của các huyện, thành phố. Trước mắt khai thác sử dụng Nhà Thi đấu TDTT, sân vận động Lam Sơn phải ưu tiên làm công tác đào tạo – huấn luyện, ngoài ra phối hợp các địa phương, sở ngành sử dụng các cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu huấn luyện và tập luyện.

- Trang bị đồng bộ trang thiết bị các dụng cụ đào tạo – huấn luyện hiện đại, thiết thực cho công tác tuyển chọn, đào tạo huấn luyện VĐV một cách khoa học và bài bản, để đáp ứng cho việc ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực đào tạo – huấn luyện tài năng thể thao. Cải tiến các phương tiện tập luyện phục vụ cho công tác huấn luyện chuyên môn.

- Có kế hoạch từng bước đầu tư và tăng cường xã hội hoá nhằm thu hút các nguồn lực xã hội, đầu tư xây dựng các công trình thể thao.

4. Nhóm giải pháp về đào tạo, huấn luyện:

4.1. Về lực lượng HLV,VĐV (Phụ lục 8)

Thể thao thành tích cao gắn liền với công tác đào tạo – huấn luyện; lực lượng nòng cốt để đáp ứng thể thao thành tích cao tỉnh là các VĐV trong các đội tuyển. Trong điều kiện hiện nay, công tác đào tạo phát triển lực lượng VĐV giai đoạn 2016 – 2020 sẽ xây dựng theo định hướng:

- Tuyển năng khiếu: *Giai đoạn 2016-2018* chọn một số môn Điền kinh, Bơi lội, Bóng bàn, Cờ vua còn lại xã hội hóa không tập trung đào tạo; phối hợp với nhà trường, phụ huynh, huyện thành phố ... để tìm kiếm và phát triển tài năng. Sau Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018, sẽ tiếp tục tập trung đào tạo một số môn thế mạnh của tỉnh như: Judo, Vovinam, Taekwondo,Cờ tướng.

- Tuyển tuyển và tuyển trẻ: Sẽ giảm số lượng VĐV từng môn, đầu tư đào tạo chuyên môn hơn, với từng VĐV với nội dung thi đấu cụ thể.

Số lượng môn, số lượng HLV, VĐV có thể tăng giảm trong quá trình thực hiện theo thực tế phát triển.Tùy theo tình hình thực tế có thể điều chỉnh lựa chọn môn thể thao để đầu tư cho phù hợp với xu thế đầu tư của quốc gia và điều kiện của tỉnh.

a) Xây dựng đội ngũ HLV:

- Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp đào tạo nhân lực, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực. Quy hoạch,đào tạo HLV đẳng cấp phù hợp với tình hình phát triển TDTT trong giai đoạn mới mang tính ổn định lâu dài. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao, đề nghị đưa đi đào tạo kể cả nước ngoài những HLV giỏi có tâm huyết với ngành. Ngoài ra có kế hoạch mời chuyên gia, HLV đảm trách huấn luyện các môn thể thao trọng điểm trong chương trình đào tạo, đỉnh điểm huấn luyện phục vụ cho thi đấu đạt thành tích cao ở kỳ Đại hội TDTT toàn quốc 2018…

- Tiêu chuẩn hóa HLV đạt trình độ quốc gia, quốc tế. Cập nhật và ứng dụng các kiến thức từ các tài liệu huấn luyện hiện đại, xây dựng kế hoạch huấn luyện dài hạn, từng năm cho các đội tuyển. Đào tạo HLV trẻ nhiệt huyết đáp ứng sự phát triển và yêu cầu công tác huấn luyện nâng cao thành tích thể thao.

b) Xây dựng đội ngũ VĐV:

- Thực hiện hệ thống tổ chức tuyển chọnVĐV, xây dựng chương trình đào tạo dài hạn; hệ thống thi đấu phù hợp trong việc nâng cao thành tích thể thao.Trên cơ sở dự báo thành tích của các VĐV kể cả VĐV ở ngoài tỉnh, xác định những môn thể thao trọng điểm phải đầu tư, đầu tư có chiến lược và có kế hoạch dài hơi, chất lượng cao cụ thể từng môn, từng nội dung, từng hạng cân, từng VĐV.

- Xây dựng chương trình đào tạo dài hạn theo hướng hiện đại, hệ thống thi đấu phù hợp cho việc nâng cao thành tích thể thao. Chuẩn hoá các tiêu chí tuyển chọn, đánh giá tăng trưởng VĐV trong quy trình đào tạo huấn luyện, tuyển chọn bổ sung, thay thế sắp xếp VĐV các tuyến trên nguyên tắc các VĐV thực sự tài năng, có triển vọng phát triển.

- Xây dựng chương trình phối hợp với Sở Giáo dục đào tạo trong việc phát hiện tài năng bằng cách theo dõi một số môn thể thao đặc trưng năng khiếu dễ nhận thấy trong một số môn thể thao cơ bản, từ đó định hướng hoặc đầu tư đúng đắn. Tăng cường liên kết với Đoàn Thanh niên, lực lượng vũ trang, tổ chức các giải thể thao để tuyển chọn tài năng từ các đơn vị huyện, thành phố, ban ngành trong tỉnh kể cả vận động viên tài năng ngoài tỉnh muốn cống hiến lâu dài cho tỉnh nhà.

- Tiếp tục quán triệt và nâng cao nhận thức về các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với công tác TDTT trong thời kỳ mới, chống tiêu cực trong ngành kết hợp làm tốt công tác giáo dục đạo đức tác phong cho HLV, VĐV gắn với việc thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

4.2. Phân nhóm trọng tâm đầu tư các môn thể thao:

Để đạt được các mục tiêu đề ra, xu hướng lựa chọn môn tổ chức thi đấu trong Đại hội TDTT toàn quốc; căn cứ vào thành tích đạt được và tiềm năng, truyền thống phát triển của các môn thể thao trong tỉnh, phân loại nhóm môn để tập trung đầu tư, cụ thể như sau:

- *Nhóm 1:* là những môn có khả năng đạt huy chương vàng tại Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018 gồm các môn sau: Vovinam, Judo, Bóng chuyền bãi biển, Petanque.

- *Nhóm 2:* là những môn có khả năng đạt huy chương tại Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018 và là các môn trong Olympic, Asiad bao gồm: Taekwondo, Karatedo, Boxing, Điền kinh, Thể dục thể hình.

- *Nhóm 3:* là những môn có các VĐV đạt trình độ quốc gia, nhưng không có trong Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018 hay những môn thể thao có phong trào mạnh tại địa phương đang trong quá trình xây dựng lại để phát triển trong tương lai: Kickboxing, Cờ Tướng, Cờ Vua, Bóng bàn, Bơi lội.

Ngoài các môn thể thao thuộc thế mạnh của tỉnh, cần quan tâm thêm các môn thể thao có triển vọng để phát triển thành môn chủ lực của tỉnh nhà.

5. Nhóm giải pháp Xã hội hóa:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động và ban hành các chính sách khuyến khích các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực TDTT.

Đảm bảo thực hiện các chính sách ưu đãi đối với hoạt động TDTT, ưu tiên giải quyết đất xây dựng các cơ sở TDTT miễn giảm thuế đất tiền sử dụng đất…

- Vận động khuyến khích cho các tổ chức, cá nhân trong việc tham gia hỗ trợ việc phát triển nguồn nhân lực TDTT, tạo điều kiện để phát triển đa dạng hóa các loại hình dịch vụ TDTT.

- Đẩy mạnh các hoạt động tài trợ, quảng cáo trong lĩnh vực TDTT. Huy động nguồn tài chính của xã hội đầu tư cho thể thao thành tích cao.

6.Các giải pháp khác:

- Tăng cường liên kết đào tạo với các Trung tâm huấn luyện quốc gia, hợp đồng với các HLV nước ngoài để nâng cao chất lượng công tác đào tạo – huấn luyện các môn thể thao trọng điểm của tỉnh. Thường xuyên cập nhật các thông tin liên quan để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

- Rà soát, điều chỉnh hình thành quy hoạch mới về công tác đào tạo. Phối hợp, tạo mối quan hệ giữa cán bộ quản lý, HLV, VĐV của địa phương với các Liên đoàn thể thao và các bộ môn của Tổng cục TDTT trong công tác đào tạo huấn luyện thể thao. Tăng cường hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ của Viện khoa học TDTT, các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, các trường Đại học… trong công tác đào tạo, huấn luyện.

- Xây dựng kế hoạch giám sát, kiểm tra Đề án từng năm từng phân kỳ để đánh giá rà soát, điều chỉnh thực hiện Đề án hiệu quả và phù hợp.

- Tuyên truyền, đẩy mạnh phong trào thể thao trong nhà trường, phát triển hệ thống câu lạc bộ trong trường học; ổn định hệ thống giải thi đấu cấp tỉnh hàng năm, giải phối hợp ngành Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên ... nhằm tuyển chọn phát triển tài năng thể thao để xây dựng đội ngũ VĐV thành tích cao cho tỉnh.

PHẦN THỨ TƯ
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Ban điều hành, bao gồm:

1. Ban chỉ đạo:

Trưởng ban: Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

Thành viên: Lãnh đạo các Sở, ngành liên quan và các địa phương liên quan

2. Ban Điều hành:

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổ chức thực hiện

Các thành viên: Đại diện các Sở, ngành liên quan và các địa phương ...

- Sở Văn hóa Thể thao &Du lịch:

Chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành và đoàn thể, UBND huyện, thành phố trong tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án, là cơ quan chủ động và chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện các mục tiêu trong Đề án. Kiểm tra, đôn đốc, định kỳ báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh tiến độ, kết quả thực hiện và kịp thời tham mưu, đề xuất giải quyết những phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện; nghiên cứu, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Đề án, dự án liên quan.

- Sở Giáo dục – Đào tạo:

Phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao &Du lịch tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức tốt nhiệm vụ giáo dục thể chất và phát triển thể thao trong học đường, huy động nguồn nhân lực, tổ chức các giải thể thao trong trường học, Hội khỏe Phù Đổng của tỉnh, toàn quốc. Nhằm tìm kiếm và phát hiện tài năng thể thao đáp ứng nhu cầu thể thao thành tích cao của tỉnh.

- Sở Kế hoạch và đầu tư:

Thực hiện kế hoạch phân bổ, phân kỳ đầu tư cơ sở vật chất, công trình thể thao. Phục vụ chương trình Đề án của tỉnh.

- Sở Tài chính:

Xem xét, thẩm định, bố trí nguồn kinh phí theo định kỳ kế hoạch hàng năm cho Sở Văn hóa Thể thao& Du lịch triển khai thực hiện.

- Sở Xây dựng:

Phối hợp thực hiện quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất và Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường:

Phối hợp xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các công trình thể thao.

- Các Sở, ban ngành có liên quan:

Các Sở, ban ngành có trách nhiệm hàng năm thực hiện công tác Thể dục thể thao trong lĩnh vực ngành mình phụ trách, cùng phối hợp tốt với Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch tổ chức các cuộc thi đấu Thể dục thể thao để chọn lọc các vận động viên có thành tích tham gia thi đấu các giải quốc gia, quốc tế.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố :

+ Phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch triển khai thực hiện chương trình huấn luyện đào tạo tài năng thể thao của tỉnh theo kế hoạch hàng năm nhằm nâng cao hiệu quả công tác và thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đề ra.

+ Chỉ đạo hướng dẫn thực hiện phát triển các môn thể thao thế mạnh tại địa phương. Hỗ trợ về kinh phí, cơ sở vật chất phát hiện tài năng thể thao, các vận động viên có triển vọng thành tích, đề xuất cử tham gia vào chương trình đào tạo - huấn luyện chung của ngành giai đoạn 2016 - 2020.

II. KẾT LUẬN:

Trên cơ sở đánh giá thực trạng thành tích thi đấu thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu giai đoạn 2011- 2015 cho thấy trong quá trình thực hiện có những mặt đạt được, những mặt chưa đạt được, những ưu – khuyết điểm từ đó đã nêu bật lên những nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm . Với những quan điểm cơ bản trong xây dựng và phát triển chung, việc xây dựng Đề án " Nâng cao thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020" trong giai đoạn hiện nay là cần thiết trong vấn đề đào tạo và huấn luyện lực lượng Huấn luyện viên và Vận động viên.

Mục tiêu phát triển thể thao thành tích cao của địa phương là tiếp tục hoàn thiện hệ thống đào tạo huấn luyệnVĐV của tỉnh, đầu tư có trọng điểm các môn thể thao thành tích cao, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể thao thành tích cao hiệu quả. Nâng cao vị thế thể thao Bà Rịa – Vũng Tàu đối với khu vực và cả nước để thể thao thành tích cao Bà Rịa-Vũng Tàu phát triển tương xứng với sự phát triển của các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội.

Đề án " Nâng cao thể thao thành tích cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020" góp phần quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe, thể trạng tầm vóc và làm phong phú đời sống tinh thần, giáo dục nhân cách, đạo đức lối sống lành mạnh, đẩy lùi tệ nạn xã hội góp phần giữ gìn an ninh –trật tự xã hội của nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xứng tầm với vị trí của tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước, góp phần đẩy mạnh việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ sẵn sàng, đáp ứng mọi yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Dũng

Phụ lục 1

SỐ LƯỢNG HLV- VĐV THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NGUỒN NHÂN LỰC THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Năm	Số lượng HLV-VĐV theo kế hoạch Đề án						Số lượng HLV-VĐV thực hiện									
	Tuyển Trẻ			*Tuyển Tuyển*			*Tuyển Trẻ*					*Tuyển Tuyển*				
	Môn TT	HLV	VĐV	*Môn* TT	HLV	VĐV	*Môn* TT	HLV	% KH	VĐV	% KH	*Môn* TT	HLV	% KH	VĐV	% KH
2011	*10*	13	82	*14*	19	108	*10*	13	*100*	82	*100*	*14*	10	*52,6*	108	*100*
2012	*10*	13	86	*14*	19	109	*11*	15	*115,4*	88	*102,3*	*13*	20	*105,3*	106	*97,3*
2013	*12*	16	98	*15*	21	119	*12*	18	*112,5*	96	*97,9*	*15*	22	*104,8*	110	*92,4*
2014	*13*	17	104	*18*	23	129	*13*	19	*111,8*	103	*99*	*15*	23	*100*	119	*92,3*
2015	*13*	17	106	*18*	23	132	*13*	20	*117,6*	118	*111,3*	*7*	10	*43,5*	59	*44,7*

Biểu bảo 1

NỘI DUNG CÔNG VIỆC THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG HÀNG LÊN THẾ THAO TRÊN TRẠM TIẾP CHUYỂN ĐIỆN 500 - 2015

	Số lượng BLV-VDV theo độ tuổi và bậc kỹ thuật																							
	Số lượng BLV-VDV theo giới tính																							
Năm	Trước 1974						Trước 1980						Trước 1985						Trước 1990					
	Trước 1974				Trước 1980				Trước 1985				Trước 1990				Trước 1990							
	Năm TT	BLV	VDV	Tổng số	Năm TT	BLV	VDV	Tổng số	Năm TT	BLV	VDV	Tổng số	Năm TT	BLV	VDV	Tổng số	Năm TT	BLV	VDV	Tổng số	Năm TT	BLV	VDV	Tổng số
2011	10	12	45	57	14	19	84	103	20	12	139	151	32	108	0	108	9	0	0	0	10	0	100	100
2012	12	13	46	59	14	19	100	119	21	14	1,000	1,014	34	1,014	0	1,014	20	0	0,0	0,0	100	0	0,0	0,0
2013	12	14	44	58	17	21	118	139	21	16	1,000	1,016	36	1,016	0	1,016	22	0	100,0	100	110	0	0,0	0,0
2014	14	17	104	121	18	21	129	150	21	19	1,000	1,019	38	1,019	0	1,019	22	0	100	100	110	0	0,0	0,0
2015	15	17	109	126	18	21	132	153	21	21	1,000	1,021	38	1,021	0	1,021	22	0	100,0	100	110	0	0,0	0,0

Phụ lục 2

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NGUỒN NHÂN LỰC THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2011-2015

Đơn vị tính : 1.000 đồng

Năm	Kinh phí theo Kế Hoạch Đề án giai đoạn 2011-2015				Kinh phí thực hiện giai đoạn 2011-2015			
	Năng khiếu	Trẻ	Tuyển	Tổng Cộng	Năng khiếu	Trẻ	Tuyển	Tổng cộng
2011	171.000	2.455.750	4.057.650	6.684.400	0	2.256.500	3.939.754	6.196.254
2012	171.000	2.559.150	4.217.400	6.947.550	161.550	2.464.700	4.072.409	6.698.659
2013	171.000	2.946.900	4.473.000	7.590.900	0	2.884.280	4.355.985	7.240.265
2014	171.000	3.127.850	4.856.400	8.155.250	0	3.167.135	3.859.820	7.026.955
2015	171.000	3.179.550	4.952.250	8.302.800	0	3.567.300	2.204.545	5.771.845
Cộng	**855.000**	**14.269.200**	**22.556.700**	**37.680.900**	**161550**	**14.339.915**	**18.432.513**	**32.933.978**

Phụ lục 3

KẾT QUẢ THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO ĐẠT ĐƯỢC
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Năm	*Đơn vị tính*	*Số giải tham dự*	*Huy chương đạt được*			*Kết quả đạt được*	*Chỉ tiêu Đề án*	*% so với Kế hoạch*
			Quốc tế	*Quốc gia*	*Khu vực*			
2011	cái	60	*6*	*160*	*54*	***293***	**220**	*133,2*
2012	cái	62	*6*	*164*	*55*	***258***	**225**	*114,7*
2013	cái	64	*7*	*165*	*58*	***271***	**230**	*117,8*
2014	cái	62	*7*	*168*	*60*	***248***	**235**	*105,5*
2015	cái	60	*8*	*159*	*77*	***244***	**240**	*101,7*

** Năm 2015, số lượng giải tham dự và huy chương đạt được chỉ tính đến thời điểm đầu tháng 11 .*

Phụ lục 4

KINH PHÍ CỤ THỂ TUYỂN NĂNG KHIẾU

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Môn TT	2016				2017				2018				2019				2020			
		HLV	Kinh phí	VĐV	Kinh phí	HLV	Kinh phí	VĐV	Kinh phí	HLV	Kinh phí	VĐV	Kinh phí	HLV	Kinh phí	VĐV	Kinh phí	HLV	Kinh phí	VĐV	Kinh phí
1	*Judo*		-		-		-		-		-		-	1	28.270	5	98.150	1	28.270	5	98.150
2	*Vovinam*		-		-		-		-		-		-	1	28.270	5	98.150	1	28.270	5	98.150
3	*Điền Kinh*	1	28.270	6	117.780	1	28.270	6	117.780	1	28.270	6	117.780	1	28.270	6	117.780	1	28.270	6	117.780
4	*Cờ tướng*		-		-		-		-		-		-	1	28.270	5	98.150	1	28.270	5	98.150
5	*Taekwondo*		-		-		-		-		-		-	1	28.270	5	98.150	1	28.270	5	98.150
6	*Cờ vua*	1	28.270	6	117.780	1	28.270	6	117.780	1	28.270	6	117.780	1	28.270	6	117.780	1	28.270	6	117.780
7	*Bóng bàn*	1	28.270	5	98.150	1	28.270	5	98.150	1	28.270	5	98.150	1	28.270	5	98.150	1	28.270	5	98.150
8	*Bơi lội*	1	28.270	4	78.520	1	28.270	4	78.520	1	28.270	4	78.520	1	28.270	5	98.150	1	28.270	5	98.150
	Tổng	4	113.080	21	412.230	4	113.080	21	412.230	4	113.080	21	412,230	8	226.160	42	824.460	8	226.160	42	824.460
	Tổng số người				25				25				25				50				50
	Tổng kinh phí				525.310				525.310				525.310				1.050.620				1.050.620

Tổng kinh phí thực hiện tuyển Năng khiếu của Đề án giai đoạn 2016-2020: 3.677.170

Bằng chữ *: Ba tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng .*

Phụ lục 5

KINH PHÍ CỤ THỂ TUYẾN TRẺ

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Môn TT	2016				2017				2018				2019				2020			
		HLV	Kinh phí	VĐV	Kinh phí	HLV	KP	VĐV	Kinh phí	HLV	KP	VĐV	Kinh phí	HLV	KP	VĐV	Kinh phí	HLV	KP	VĐV	Kinh phí
1	*Judo*	2	128.820	8	419.680	2	128.820	8	419.680	2	128.820	8	419.680	2	128.820	8	419.680	2	128.820	8	419.680
2	*Vovinam*	2	128.820	10	524.600	2	128.820	10	524.600	2	128.820	10	524.600	2	128.820	10	524.600	2	128.820	10	524.600
3	*BCBB*		-		-		-		-		-		-	1	64.410	4	209.840	1	64.410	4	209.840
4	*Petanque*	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	7	367.220	1	64.410	7	367.220
5	*Boxing*	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760
6	*Điền Kinh*	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760
7	*Cờ tướng*	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760
8	*Taekwondo*	3	193.230	12	629.520	3	193.230	12	629.520	2	128.820	8	419.680	2	128.820	8	419.680	2	128.820	8	419.680
9	*Karatedo*	2	128.820	8	419.680	2	128.820	8	419.680	1	64.410	8	419.680	1	64.410	8	419.680	1	64.410	8	419.680
10	*Kickboxing*	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760
11	*Võ CT*	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760	1	64.410	6	314.760
12	*Cờ vua*	1	64.410	4	209.840	1	64.410	4	209.840	1	64.410	4	209.840	1	64.410	5	262.300	1	64.410	5	262.300
13	*Bóng bàn*	1	64.410	5	262.300	1	64.410	5	262.300	1	64.410	5	262.300	1	64.410	5	262.300	1	64.410	5	262.300
14	*Bơi lội*	-	-		-		-		-		-		-		-		-	1	64.410	4	209.840
	Tổng	17	1.094.970	83	4.354.180	17	1.094.970	83	4.354.180	15	966.150	79	4.144.340	16	1.030.560	85	4.459.100	17	1.094.970	89	4.668.940
	Tổng số người				100				100				94				101				106
	Tổng kinh phí				5.449.150				5.449.150				5.110.490				5.489.660				5.763.910

Tổng kinh phí thực hiện tuyến Trẻ của Đề án giai đoạn 2016-2010: 27.262.360

Bằng chữ *: Hai mươi bảy tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng .*

Chương 7

[illegible]

Bảng [illegible] [illegible]

[illegible]				[illegible]				[illegible]				[illegible]				[illegible]				[illegible]	
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]

Phụ lục 6

KINH PHÍ CỤ THỂ TUYỂN TUYỂN

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Môn TT	2016				2017				2018				2019				2020			
		HLV	Kinh phí	VĐV	Kinh phí	HLV	KP	VĐV	Kinh phí	HLV	KP	VĐV	Kinh phí	HLV	KP	VĐV	Kinh phí	HLV	KP	VĐV	Kinh phí
1	*Judo*	2	147.460	8	521.360	2	147.460	8	521.360	2	147.460	8	521.360	2	147.460	8	521.360	2	147.460	8	521.360
2	*Vovinam*	2	147.460	8	521.360	2	147.460	8	521.360	2	147.460	8	521.360	2	147.460	8	521.360	2	147.460	8	521.360
3	*BCBB*	1	73.730	4	260.680	1	73.730	4	260.680	1	73.730	4	260.680	1	73.730	4	260.680	1	73.730	4	260.680
4	*Petanque*	1	73.730	6	391.020	1	73.730	6	391.020	1	73.730	6	391.020	1	73.730	7	456.190	1	73.730	7	456.190
5	*TDTH*	1	73.730	4	260.680	1	73.730	4	260.680	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850
6	*Boxing*	1	73.730	4	260.680	1	73.730	4	260.680	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850
7	*Điền Kinh*	1	73.730	4	260.680	1	73.730	4	260.680	1	73.730	4	260.680	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850
8	*Cờ tướng*	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850
9	*Taekwondo*		-		-		-		-	1	73.730	4	260.680	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850
10	*Karatedo*		-		-		-		-	1	73.730	4	260.680	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850
11	*Kickboxing*		-		-		-		-	1	73.730	4	260.680	1	73.730	5	325.850	1	73.730	5	325.850
12	*Võ CT*		-		-		-		-		-		-	1	73.730	4	260.680	1	73.730	4	260.680
	Tổng	10	737.300	43	2.802.310	10	737.300	43	2.802.310	13	958.490	57	3.714.690	14	1.032.220	66	4.301.220	14	1.032.220	66	4.301.220
	Tổng số người				53				53				70				80				80
	Tổng kinh phí				3.539.610				3.539.610				4.673.180				5.333.440				5.333.440

Tổng kinh phí thực hiện tuyển Tuyển của Đề án giai đoạn 2016-2010: **22.419.280**

Bằng chữ : Hai mươi hai tỷ, bốn trăm mười chín triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng .

Mẫu số 02

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

Năm học: [illegible]

Khối 6				Khối 7				Khối 8				Khối 9				Khối 10				Khối 11				Khối 12				Tổ chuyên môn	TT
Môn dạy	Số tiết	Số lớp	Số GV	Môn dạy	Số tiết	Số lớp	Số GV	Môn dạy	Số tiết	Số lớp	Số GV	Môn dạy	Số tiết	Số lớp	Số GV	Môn dạy	Số tiết	Số lớp	Số GV	Môn dạy	Số tiết	Số lớp	Số GV	Môn dạy	Số tiết	Số lớp	Số GV		
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]

Phụ lục 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Đơn vị tính : ngàn đồng

Tuyến	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			CỘNG
	Số MÔN TT	*SL HLV VĐV*	*Kinh phí*	*Số MÔN TT*	*SL HLV VĐV*	*Kinh phí*	*Số MÔN TT*	*SL HLV VĐV*	*Kinh phí*	*Số MÔN TT*	*SL HLV VĐV*	*Kinh phí*	*Số MÔN TT*	*SL HLV VĐV*	*Kinh phí*	
NK	4	4	113.080	4	4	113.080	4	4	113.080	8	8	226.160	8	8	226.160	*791.560*
		21	412.230		21	412.230		21	412.230		42	824.460		42	824.460	*2.885.610*
Trẻ	12	17	1.094.970	12	17	1.094.970	12	15	966.150	13	16	1.030.560	14	17	1.094.970	*5.281.620*
		83	4.354.180		83	4.354.180		79	4.144.340		85	4.459.100		89	4.668.940	*21.980.740*
Tuyển	8	10	737.300	8	10	737.300	11	13	958.490	12	14	1.032.220	12	14	1.032.220	*4.497.530*
		43	2.802.310		43	2.802.310		57	3.714.690		66	4.301.220		66	4.301.220	*17.921.750*
SỐ MÔN	*15 môn TT*			*15 môn TT*			*15 môn TT*			*15 môn TT*			*15 môn TT*			
SL																
HLV	*31*			*31*			*32*			*38*			*39*			
VĐV	147			147			157			193			197			
TỔNG KINH PHÍ			*9.514.070*			*9.514.070*			*10.308.980*			*11.873.720*			*12.147.970*	*53.358.810*

Bằng chữ *: Năm mươi ba tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, tám trăm mười ngàn đồng.*

[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]